

**KẾT QUẢ BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI SẮT HẠCH
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN ĐỢT THÁNG 12/2025**

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
1	28209348560	Đoàn Thị Mỹ An	10/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN14	8.7	5.0	Đạt	
2	28218100530	Nguyễn Văn Quốc An	2/23/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN9	4.3	3.0	Không Đạt	
3	28216205819	Phạm Thị Thúy An	11/26/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31THT15	9.7	7.5	Đạt	
4	28210200071	Phan Văn An	10/18/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN9	9.7	8.0	Đạt	
5	26204335799	Hoàng Thị Minh Anh	5/25/2001	Quảng Trị	Nữ	Kinh	30CYC3	8.7	6.3	Đạt	
6	28204455009	Lê Lan Anh	9/23/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN8	5.3	3.0	Không Đạt	
7	28204402821	Lê Thị Lan Anh	11/19/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SHT8	7.7	7.5	Đạt	
8	28204940091	Lê Thị Ngọc Anh	9/13/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC14	5.3	5.0	Đạt	
9	28204800332	Nguyễn Cao Nam Anh	11/4/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN9	6.0	3.8	Không Đạt	
10	28214101119	Nguyễn Đắc Tuấn Anh	1/26/2004	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CBN8	8.0	6.5	Đạt	
11	28205254631	Nguyễn Hoàng Anh	11/17/2004	Huế	Nữ	Kinh	31THT14	9.0	7.8	Đạt	
12	28212748920	Nguyễn Hoàng Anh	1/25/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SYC7	V	V	Vắng thi	
13	28218000457	Nguyễn Thế Anh	3/5/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	31TYC13	6.7	5.0	Đạt	
14	28204642633	Nguyễn Thị Kim Anh	12/5/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CBN9	9.7	8.5	Đạt	
15	28209449564	Nguyễn Thị Minh Anh	8/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC13	9.3	6.3	Đạt	
16	29206752387	Nguyễn Thị Ngọc Anh	6/24/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC13	8.3	5.8	Đạt	
17	28207103065	Nguyễn Thị Trâm Anh	5/8/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT14	1.3	3.0	Không Đạt	
18	28208101888	Nguyễn Thị Vân Anh	11/30/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	7.3	5.8	Đạt	
19	28202849246	Nguyễn Văn Anh	8/16/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC13	9.0	3.3	Không Đạt	
20	27203536036	Phạm Nguyễn Hà Anh	3/18/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31THT15	V	V	Vắng thi	
21	28212326941	Phan Quyền Anh	2/20/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CBN9	10.0	9.5	Đạt	
22	30208040345	Trần Bùi Lan Anh	10/24/2006	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC14	7.3	7.5	Đạt	
23	28208034385	Trần Thị Quỳnh Anh	5/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT8	6.0	2.5	Không Đạt	
24	28214635729	Trần Văn Anh	10/26/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN8	7.7	8.3	Đạt	
25	28206100127	Võ Văn Anh	6/5/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT14	9.3	7.3	Đạt	
26	28205044390	Bùi Thị Ánh	11/1/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31SBN8	8.3	9.0	Đạt	
27	28207340653	Lâm Hồng Ánh	6/12/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC14	5.7	9.0	Đạt	
28	28204504072	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/29/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC7	6.3	7.5	Đạt	
29	28219406023	Phan Thị Như Ánh	1/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC7	10.0	6.3	Đạt	
30	26214334671	Lê Trọng Bảo	11/3/2002	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CSC9	6.7	8.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
31	28218005091	Nguyễn Gia Bảo	1/30/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC14	8.7	8.5	Đạt	
32	28212335311	Trần Đình Bảo	6/7/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SHT8	9.3	6.0	Đạt	
33	28204304005	Nguyễn Thị Ngọc Bích	10/11/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31THT14	9.0	9.5	Đạt	
34	28204601457	Nguyễn Thị Thanh Bình	12/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC13	8.0	5.8	Đạt	
35	28206501074	Võ Thị Bông	4/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT15	10.0	9.3	Đạt	
36	28206204637	Thân Trần Thái Châu	9/27/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TYC14	6.3	8.3	Đạt	
37	28204652010	Trần Phương Chi	12/13/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN14	9.7	9.5	Đạt	
38	29214350646	Trần Thị Kim Chi	11/17/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC9	8.7	6.5	Đạt	
39	28218144186	Lê Văn Thiên Chiêu	1/18/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT15	9.0	5.5	Đạt	
40	28211145061	Nguyễn Nho Chính	4/21/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN9	8.3	5.8	Đạt	
41	28212301527	Nguyễn Mạnh Cường	10/27/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CYC9	9.7	6.3	Đạt	
42	28212448089	Trần Thanh Cường	4/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN9	7.7	9.0	Đạt	
43	28204347456	Nguyễn Lưu Đan	12/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC14	7.0	7.0	Đạt	
44	30215123837	Nguyễn Công Danh	5/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC9	6.0	1.0	Không Đạt	
45	28217204684	Nguyễn Văn Tuấn Đạt	5/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	6.0	7.5	Đạt	
46	29208123234	Phạm Thị Thúy Diễm	6/6/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC13	9.7	6.3	Đạt	
47	28206602051	Lê Thị Huyền Diệu	6/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	6.3	6.5	Đạt	
48	28204601749	Nguyễn Thị Bích Diệu	7/9/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC6	8.3	5.8	Đạt	
49	29204354434	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	7/15/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC14	10.0	8.8	Đạt	
50	29207429626	Võ Thị Diệu	8/28/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT9	10.0	9.8	Đạt	
51	28207353054	Nguyễn Tôn Khánh Đoan	7/24/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC14	10.0	9.8	Đạt	
52	28212305580	Nguyễn Thành Đức	11/11/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31THT14	9.3	7.5	Đạt	
53	28204641801	Bùi Thị Thanh Dung	9/21/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN8	9.7	5.5	Đạt	
54	29206628485	Hồ Thị Ngọc Dung	3/15/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN14	8.7	9.3	Đạt	
55	27211302065	Dương Tiến Dũng	11/24/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SBN8	V	V	Vắng thi	
56	29204942250	Chế Lữ Thùy Dương	6/14/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN15	9.7	7.5	Đạt	
57	28212750141	Hà Thanh Dương	11/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC9	6.7	7.0	Đạt	
58	28212452708	Lê Đức Dương	9/4/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CBN9	8.0	10.0	Đạt	
59	29204362493	Lê Hoàng Ánh Dương	11/3/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC7	9.0	5.8	Đạt	
60	24207108486	Nguyễn Thị Thùy Dương	4/11/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC14	5.3	4.1	Không Đạt	
61	28212352727	Trương Hữu Dương	6/21/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SHT8	8.3	7.5	Đạt	
62	28202704218	Võ Nguyễn Thùy Dương	12/14/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC9	9.7	7.0	Đạt	
63	28204720075	Võ Thị Ánh Dương	3/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC14	7.7	5.0	Đạt	
64	27213780004	Bùi Hoài Duy	1/13/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC7	6.3	8.3	Đạt	
65	29213123500	Lê Minh Duy	1/20/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC8	6.0	7.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
66	27217200816	Nguyễn Công Duy	11/25/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31TBN14	9.3	5.0	Đạt	
67	28214637188	Nguyễn Đặng Đức Duy	4/12/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31SYC7	3.7	8.5	Không Đạt	
68	26205329575	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1/18/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN15	6.7	7.0	Đạt	
69	28206552053	Nguyễn Thùy Duyên	9/28/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN15	8.3	5.8	Đạt	
70	28204643782	Trần Thị Mỹ Duyên	5/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT14	9.3	9.5	Đạt	
71	28212803409	Y Phiếu Êban	9/22/2004	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	31TYC13	6.0	3.0	Không Đạt	
72	29204938880	Phan Lê Hương Giang	10/11/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN15	9.3	8.0	Đạt	
73	29206753302	Vương Thị Trà Giang	6/21/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TSC13	9.7	7.8	Đạt	
74	28204639539	Bùi Trần Trúc Hà	7/21/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT8	5.3	5.0	Đạt	
75	27207280012	Nguyễn Lam Hà	11/19/2002	Tam Kỳ	Nữ	Kinh	31THT15	6.3	6.8	Đạt	
76	28204638810	Nguyễn Thị Hà	2/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC7	8.0	5.0	Đạt	
77	28209440371	Nguyễn Thị Thu Hà	7/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN9	9.3	9.3	Đạt	
78	28206549501	Nguyễn Thị Thu Hà	5/2/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC9	5.0	3.5	Không Đạt	
79	28204646853	Vương Thị Thúy Hà	10/8/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN14	10.0	6.3	Đạt	
80	28212751178	Đào Thanh Hải	4/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT15	4.0	5.0	Không Đạt	
81	28212706272	Nguyễn Long Hải	9/12/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN8	6.7	6.8	Đạt	
82	28204606195	Đặng Ngọc Gia Hân	6/23/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN14	5.3	3.9	Không Đạt	
83	29209221719	Đinh Thị Ngọc Hân	3/17/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SYC7	6.3	6.8	Đạt	
84	28208151980	Phan Ngọc Xuân Hân	10/1/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC6	9.7	5.3	Đạt	
85	29204459709	Trần Thị Ngọc Hân	8/8/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC13	9.0	5.0	Đạt	
86	28204138856	Lê Thị Hằng	5/17/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31SHT8	8.3	6.0	Đạt	
87	28204654731	Nguyễn Thị Thanh Hằng	7/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN14	9.3	9.5	Đạt	
88	29208051245	Nguyễn Thị Thu Hằng	5/11/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT14	4.7	7.5	Không Đạt	
89	28204634390	Nguyễn Thị Thu Hằng	9/13/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CBN7	5.3	3.8	Không Đạt	
90	28204844962	Phan Thị Thanh Hằng	4/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC14	9.3	10.0	Đạt	
91	29207437150	Trần Thị Lệ Hằng	6/16/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT9	9.7	8.5	Đạt	
92	26205241975	Trần Thu Hằng	1/1/2002	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN15	9.7	9.5	Đạt	
93	28205134240	Võ Thị Hằng	2/17/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC7	9.3	6.3	Đạt	
94	28206546317	Phạm Thị Hồng Hạnh	7/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT9	9.7	8.8	Đạt	
95	28202700323	Trần Hà Mỹ Hạnh	11/28/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC13	7.7	7.0	Đạt	
96	28214600749	Trương Văn Hiên	1/17/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	6.3	5.3	Đạt	
97	28204301208	Dương Thị Mỹ Hiên	4/17/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC14	10.0	6.5	Đạt	
98	28209343348	Kiểu Thị Thu Hiên	4/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN14	10.0	9.8	Đạt	
99	28204902804	Lê Thị Mỹ Hiên	7/12/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT8	8.3	8.8	Đạt	
100	28206522075	Lê Thị Thu Hiên	4/2/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT8	6.3	6.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
101	28204706232	Nguyễn Hồ Thị Khánh Hiền	6/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN9	9.7	8.0	Đạt	
102	28204102857	Nguyễn Mỹ Hiền	10/18/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31THT14	9.0	7.5	Đạt	
103	28204652600	Nguyễn Thị Diệu Hiền	12/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN14	9.0	7.0	Đạt	
104	28204951257	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	7/10/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TBN13	7.7	5.5	Đạt	
105	29208428873	Nguyễn Thị Thu Hiền	8/18/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT14	9.3	7.0	Đạt	
106	30206263097	Trịnh Nguyễn Thu Hiền	3/22/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN8	8.7	6.8	Đạt	
107	31212353349	Đặng Trần Công Hiếu	8/10/2007	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT15	8.7	5.0	Đạt	
108	28217305032	Quảng Võ Thanh Hiếu	4/19/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC14	9.0	10.0	Đạt	
109	27212237336	Huỳnh Bá Hiệ	1/22/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN5	5.3	3.5	Không Đạt	
110	28202805344	Nguyễn Thị Hồng Hoa	12/1/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC13	5.3	5.3	Đạt	
111	28209341486	Nguyễn Thị Kim Hoa	1/3/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CYC9	8.3	7.0	Đạt	
112	28204639791	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	3/3/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT9	8.7	6.3	Đạt	
113	28202800951	Trịnh Hồng Hoa	2/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC13	9.0	7.3	Đạt	
114	29204622953	Trương Mỹ Hoa	3/2/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC7	9.3	6.5	Đạt	
115	28205204625	Lê Thị Hoài	9/28/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT14	7.7	5.0	Đạt	
116	28218101854	Nguyễn Khánh Hoài	6/18/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN14	9.0	7.3	Đạt	
117	28205149987	Nguyễn Thị Thanh Hoài	11/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	6.0	6.0	Đạt	
118	28214554545	Lê Gia Hoàng	9/10/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC13	7.7	5.5	Đạt	
119	28212701335	Mai Văn Hoàng	7/6/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC14	5.7	3.5	Không Đạt	
120	28212302243	Phạm Duy Hoàng	7/12/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC7	5.7	7.5	Đạt	
121	27212131491	Phan Ngô Huy Hoàng	2/15/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN15	9.7	7.3	Đạt	
122	28219033947	Trần Hoàng	1/31/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC9	10.0	5.5	Đạt	
123	28214334007	Trần Huy Hoàng	3/21/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CSC9	6.3	9.3	Đạt	
124	28208106930	Nguyễn Ánh Hồng	9/19/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC7	3.3	6.0	Không Đạt	
125	28208402533	Trần Ánh Hồng	11/27/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31TYC14	6.3	8.5	Đạt	
126	28206249856	Hồ Thị Lan Huệ	5/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC13	3.0	0.5	Không Đạt	
127	24217104921	Nguyễn Đức Hùng	6/27/2000	Gia Lai	Nam	Kinh	31THT15	7.3	5.3	Đạt	
128	28212751825	Trần Việt Hùng	9/18/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31SSC6	9.0	8.8	Đạt	
129	28212306404	Lê Phạm Việt Hưng	11/10/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC11	9.0	8.3	Đạt	
130	25215412110	Nguyễn Khắc Hưng	1/13/2001	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC14	9.7	7.5	Đạt	
131	28212339500	Võ Văn Hưng	10/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT8	9.0	9.5	Đạt	
132	28206550385	Đinh Ngọc Minh Hương	8/28/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC5	6.0	6.0	Đạt	
133	28204602266	Đỗ Thị Hương	10/15/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN14	8.7	3.5	Không Đạt	
134	28206503693	Dương Thị Diệu Hương	1/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN15	4.7	7.3	Không Đạt	
135	28206554589	Lê Thị Diễm Hương	4/17/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN14	5.7	3.9	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
								KTC	THUĐ			
136	29206661497	Nguyễn Xuân	Hương	12/16/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN15	8.0	6.5	Đạt	
137	27203334163	Lê Thị Thu	Hường	3/17/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC13	8.3	5.0	Đạt	
138	28202726142	Nguyễn Thị Thu	Hường	2/1/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31THT15	8.7	5.8	Đạt	
139	28212340219	Huỳnh Đức	Huy	11/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SSC7	V	V	Vắng thi	
140	28214502474	Lâm Quốc	Huy	10/24/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31CSC9	3.3	3.5	Không Đạt	
141	28212350192	Lê Tạ Gia	Huy	6/23/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC7	6.0	7.8	Đạt	
142	28218033451	Phan Văn	Huy	6/19/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN15	8.3	5.5	Đạt	
143	28212702937	Trần Văn	Huy	4/17/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31TSC14	5.3	7.3	Đạt	
144	28204724602	Bạch Thị Ngọc	Huyền	9/4/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT9	6.7	6.3	Đạt	
145	29206240845	Bùi Thị	Huyền	5/20/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC14	10.0	8.0	Đạt	
146	28204603877	Lê Nhi	Huyền	3/29/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC9	8.3	6.3	Đạt	
147	28206601644	Lê Thị Diệu	Huyền	4/20/2004	Hà Nam	Nữ	Kinh	31SSC7	9.0	6.5	Đạt	
148	29207438154	Ngô Lê Minh	Huyền	1/1/2005	Điện Bàn	Nữ	Kinh	31CHT9	8.3	9.3	Đạt	
149	29204623005	Ngô Lý Khánh	Huyền	1/2/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC13	7.0	5.1	Đạt	
150	28204306880	Ngô Thị Minh	Huyền	9/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT9	7.0	7.0	Đạt	
151	28204102643	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	2/12/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31THT14	10.0	7.8	Đạt	
152	28204149472	Nguyễn Thị Thu	Huyền	3/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT14	8.7	7.5	Đạt	
153	28204525007	Phạm Thị Lệ	Huyền	2/14/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC9	4.7	4.0	Không Đạt	
154	28202851966	Ung Thị Khánh	Huyền	4/7/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC13	V	V	Vắng thi	
155	28217380312	Phạm Hữu	Kha	9/10/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC14	V	V	Vắng thi	
156	28212332330	Trần	Khải	1/31/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT8	9.7	9.5	Đạt	
157	28219604274	Nguyễn Bảo	Khang	3/21/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT12	9.3	7.3	Đạt	
158	27214720590	Đặng Nam	Khánh	5/14/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC7	6.0	8.5	Đạt	
159	28218136340	Lương Văn	Khoa	11/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	6.0	5.5	Đạt	
160	28213149335	Nguyễn Đăng	Khoa	3/23/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT15	4.7	2.3	Không Đạt	
161	28204604066	Dương Thị Hà	Khương	8/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN15	6.3	2.8	Không Đạt	
162	28212703132	Nguyễn Việt	Khương	8/1/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC14	6.7	5.0	Đạt	
163	28217354025	Đỗ Lâm Gia	Kiệt	9/22/2004	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31TSC14	7.7	9.5	Đạt	
164	28214641555	Phạm Anh	Kiệt	8/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT15	7.7	8.8	Đạt	
165	28204100884	Mai Thị Thủy	Kiều	8/11/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT14	8.0	7.3	Đạt	
166	29204445918	Phan Diễm	Kiều	8/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC13	9.0	6.5	Đạt	
167	29217364660	Huỳnh Lê Tuấn	Kỳ	9/20/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT9	8.0	9.5	Đạt	
168	26215334800	Đỗ Thành	Lâm	3/8/2002	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31TBN15	9.3	9.3	Đạt	
169	28214552364	Lý Võ	Lâm	8/24/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CBN7	8.7	6.3	Đạt	
170	28204402959	Đặng Thị Ngọc	Lan	5/13/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC13	8.7	6.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
171	28204350132	Nguyễn Thị Kim Lan	9/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT14	10.0	9.5	Đạt	
172	28218131517	Nguyễn Hoàng Lân	5/14/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN13	7.7	5.0	Đạt	
173	29214840947	Nguyễn Đồng Lê	6/14/2005	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TSC13	9.7	6.8	Đạt	
174	28206500860	Trần Thị Nhật Lệ	5/27/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CSC9	8.7	5.4	Đạt	
175	28201143043	Nguyễn Thị Liên	1/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC7	10.0	9.8	Đạt	
176	28206702621	Nguyễn Thị Kim Liên	4/9/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT15	9.0	6.8	Đạt	
177	29204524760	Trần Thị Mai Liên	11/23/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SYC7	7.7	9.8	Đạt	
178	28204953777	Nguyễn Thúy Liễu	3/28/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT9	9.3	8.5	Đạt	
179	28204851725	Đỗ Đặng Quỳnh Linh	7/26/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN9	9.3	9.0	Đạt	
180	28205147486	Lê Thị Ngọc Linh	10/1/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SBN7	7.3	5.8	Đạt	
181	29207525911	Lê Thị Phương Linh	5/28/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC9	9.3	7.3	Đạt	
182	28204349843	Nguyễn Thị Thùy Linh	4/25/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT12	7.7	5.0	Đạt	
183	28204853713	Phạm Phương Linh	4/28/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC14	8.0	7.0	Đạt	
184	29204335727	Trần Khánh Linh	5/19/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC14	10.0	9.5	Đạt	
185	28204605265	Nguyễn Thị Loan	2/19/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT9	10.0	9.5	Đạt	
186	28208105491	Nguyễn Thị Loan	6/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC14	8.0	6.5	Đạt	
187	28204802961	Phạm Thị Thu Loan	10/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN8	6.0	3.0	Không Đạt	
188	28204630133	Phạm Thị Tố Loan	11/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN14	9.3	8.5	Đạt	
189	28214106737	Phạm Văn Lộc	2/12/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN14	8.3	7.3	Đạt	
190	28216251014	Nguyễn Quang Lợi	6/8/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC9	8.0	6.3	Đạt	
191	27212135746	Dương Công Long	7/25/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31TYC13	V	V	Vắng thi	
192	28213203923	Huỳnh Văn Long	8/1/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SHT8	8.7	6.3	Đạt	
193	29217351837	Nguyễn Trần Kim Long	6/7/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC14	7.3	5.5	Đạt	
194	27211329164	Phan Tuấn Long	3/27/2003	Kon Tum	Nam	Kinh	31TYC14	8.7	9.5	Đạt	
195	28214637190	Nguyễn Hữu Lực	2/24/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT14	6.0	5.5	Đạt	
196	28214953812	Nguyễn Đức Lượng	10/27/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CYC9	8.7	9.0	Đạt	
197	28206903434	Trần Thị Ngân Lượng	4/29/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CYC9	9.3	4.1	Không Đạt	
198	28216653647	Đặng Văn Luyến	1/28/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT15	4.7	5.0	Không Đạt	
199	28204635079	Huỳnh Mai Ly	3/13/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT15	8.7	8.3	Đạt	
200	29209421526	Nguyễn Kiều Ly	10/21/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC14	9.3	6.0	Đạt	
201	28204600577	Nguyễn Thị Trúc Ly	1/26/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC13	9.0	3.5	Không Đạt	
202	28208002509	Phan Thị Cẩm Ly	5/20/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT9	9.0	10.0	Đạt	
203	28206904575	Trần Thị My Ly	5/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC13	9.3	3.5	Không Đạt	
204	28204352433	Trịnh Thị Cẩm Ly	1/1/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CSC9	9.0	5.3	Đạt	
205	28213202513	Hoàng Văn Mạnh	2/14/2004	Huế	Nam	Kinh	31SHT8	10.0	5.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
206	28214101928	Lô Viết Minh	8/15/2004	Nghệ An	Nam	Thái	31TYC13	8.0	7.0	Đạt	
207	28212402102	Phạm Hoàng Nhật Minh	8/28/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN15	8.7	9.5	Đạt	
208	28204154818	Huỳnh Hà My	3/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC13	8.3	8.5	Đạt	
209	28207102728	Lê Trần Huyền My	1/1/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31TBN13	7.7	9.0	Đạt	
210	28204150520	Nguyễn Thị Diệu My	5/3/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN14	8.7	9.5	Đạt	
211	28204302323	Trịnh Thị Diễm My	1/25/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT15	7.0	6.3	Đạt	
212	28204651620	Võ Thị Diễm My	4/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC7	7.0	5.5	Đạt	
213	29206760053	Võ Thị Tiểu My	6/6/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC14	8.7	5.8	Đạt	
214	28204301913	Bùi Ngọc My	11/28/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC9	7.3	5.0	Đạt	
215	29208243262	Đặng Thị Ly Na	9/18/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC14	8.0	2.8	Không Đạt	
216	28206705524	Đinh Thị Ly Na	2/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC13	4.7	4.1	Không Đạt	
217	28204805111	Đinh Trần An Na	9/25/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CBN9	4.7	4.0	Không Đạt	
218	28208106350	Trần Ly Na	8/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT15	9.7	7.8	Đạt	
219	28204552407	Võ Thị Kiều Na	5/2/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC13	7.3	7.3	Đạt	
220	27213733599	Nguyễn Hoàng Bảo Nam	8/6/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31THT14	5.7	7.0	Đạt	
221	28207105121	Nguyễn Thị Thanh Nga	1/21/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN13	6.3	7.0	Đạt	
222	29204622804	Văn Thị Kiều Nga	5/22/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC13	9.0	2.8	Không Đạt	
223	29204635394	Bùi Thanh Ngân	10/24/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC13	5.0	4.0	Không Đạt	
224	28207102016	Bùi Thị Trúc Ngân	2/15/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC14	3.7	1.0	Không Đạt	
225	28207353801	Đặng Thị Minh Ngân	11/4/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31TSC14	9.3	8.8	Đạt	
226	28208000472	Kỳ Thị Kim Ngân	3/10/2004	Hải Dương	Nữ	Kinh	31TYC14	9.3	7.8	Đạt	
227	29206751207	Lâm Thị Cẩm Ngân	8/21/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31SYC7	4.3	1.8	Không Đạt	
228	28206206177	Lê Thị Kim Ngân	3/25/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC9	5.0	2.5	Không Đạt	
229	28206704689	Trần Thị Hiếu Ngân	12/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC13	9.7	5.3	Đạt	
230	28208035301	Trần Tuyết Ngân	8/20/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC9	9.7	6.5	Đạt	
231	30204448893	Bùi Kim Phương Nghi	2/1/2006	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC14	V	V	Vắng thi	
232	29204648626	Nguyễn Thị Uyên Nghi	5/16/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC7	9.3	8.3	Đạt	
233	28206553666	Nguyễn Thị Nghị	10/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT15	9.3	8.6	Đạt	
234	28214754224	Đặng Phước Nghĩa	4/21/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CBN9	8.3	8.5	Đạt	
235	28214641933	Bùi Nguyễn Bảo Ngọc	9/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT9	5.3	8.0	Đạt	
236	29204656765	Dương Thị Hồng Ngọc	3/26/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC7	8.3	7.3	Đạt	
237	28204603226	Huỳnh Thị Ánh Ngọc	6/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC7	9.3	7.5	Đạt	
238	28208032409	Huỳnh Thị Kim Ngọc	5/26/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN15	7.0	7.5	Đạt	
239	28204854756	Mai Thị Bích Ngọc	5/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC14	9.7	7.5	Đạt	
240	28207330952	Nguyễn Đình Bảo Ngọc	10/6/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TSC14	9.3	7.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
241	28206501770	Phạm Thị Ngọc	10/3/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN9	9.3	7.5	Đạt	
242	28204154528	Hà Thị Ngọc	9/8/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC13	5.0	9.0	Đạt	
243	28212301170	Nguyễn Đình	5/15/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CYC9	9.3	8.0	Đạt	
244	28218052773	Phạm Hồng	7/18/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN15	8.0	7.8	Đạt	
245	28204606505	Phạm Thị Thảo	6/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN8	3.7	6.0	Không Đạt	
246	28208006609	Phạm Thị Thảo	5/21/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN15	10.0	8.8	Đạt	
247	28206100771	Tôn Vô Thảo	6/30/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC13	10.0	3.3	Không Đạt	
248	29208163126	Trần Ngọc Thảo	3/30/2005	Hội An	Nữ	Kinh	31TSC13	8.7	6.5	Đạt	
249	29206853143	Phan Minh	12/15/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC14	10.0	9.5	Đạt	
250	29204864480	Trần Minh	8/12/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC13	8.0	6.4	Đạt	
251	28208680328	Trương Thị Trang	3/13/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC7	10.0	6.8	Đạt	
252	28216548261	Hà Quốc	5/20/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC7	6.0	6.0	Đạt	
253	28204604949	Nguyễn Thị Thanh	12/21/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CHT9	8.7	9.3	Đạt	
254	27217001767	Hồ Hữu	4/20/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CHT8	5.3	5.3	Đạt	
255	29202764591	Nguyễn Thảo	8/26/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC13	9.7	8.8	Đạt	
256	29217357930	Nguyễn Văn Hữu	6/18/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC9	7.3	9.8	Đạt	
257	28212750396	Võ Văn	1/4/2004	Huế	Nam	Kinh	31SBN8	8.0	8.8	Đạt	
258	26215334991	Hồ Xuân	9/28/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT15	6.7	7.8	Đạt	
259	28204154882	Đỗ Hoàng Phương	4/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT14	8.3	9.8	Đạt	
260	28205153651	Lê Long	11/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC7	9.7	6.8	Đạt	
261	29208063139	Lưu Nguyễn Yến	10/23/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC13	10.0	5.3	Đạt	
262	28204601198	Ngô Thị Quỳnh	11/28/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT14	9.0	7.0	Đạt	
263	28204624126	Nguyễn Thị Hoài	7/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN14	8.0	7.8	Đạt	
264	0942007951	Nguyễn Thị Linh	9/30/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC9	9.0	9.0	Đạt	
265	28204304938	Nguyễn Thị Tuyết	9/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT8	8.3	10.0	Đạt	
266	28204601884	Nguyễn Thị Yến	11/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC13	8.3	5.0	Đạt	
267	28204649924	Nguyễn Thùy Vân	10/13/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT14	8.3	7.3	Đạt	
268	28204604069	Nguyễn Yến	10/17/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC7	4.7	0.0	Không Đạt	
269	28207104022	Nguyễn Yến	11/18/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC14	7.7	6.5	Đạt	
270	28206205383	Phạm Bảo Yến	12/4/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31CBN9	V	V	Vắng thi	
271	29204627776	Trần Thị Quỳnh	9/24/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC7	9.0	7.3	Đạt	
272	27202134279	Trần Yến	10/25/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN2	6.3	8.3	Đạt	
273	27217200882	Trương Hoàng Ngọc	5/24/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT8	6.3	8.3	Đạt	
274	28218050044	Võ Quỳnh	1/22/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN15	8.3	5.0	Đạt	
275	0934902718	Lưu Tâm	5/24/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT15	9.0	5.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
276	28204503365	Ngô Thị Quỳnh	Như	9/9/2004	Huế	Nữ	Kinh	31CYC8	9.7	6.0	Đạt
277	28207354023	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	7/23/2004	Tây Ninh	Nữ	Kinh	31TYC14	9.3	9.5	Đạt
278	28216502376	Lê Thanh Thu	Nhung	10/15/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31SHT8	V	V	Vắng thi
279	28204452653	Phan Thị Hồng	Nhung	12/11/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC14	7.3	8.5	Đạt
280	28204648803	Trương Thị Cúc	Nhược	9/9/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SBN8	9.3	6.8	Đạt
281	51206006402	Nguyễn Tấn	Nhường	7/18/2006	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SYC7	9.3	7.8	Đạt
282	27211348932	Võ Văn	Nhựt	5/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC8	8.3	9.3	Đạt
283	28204504805	Nguyễn Thị Hằng	Ni	1/12/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT14	9.0	7.8	Đạt
284	28202701103	Trần Thị Yến	Ni	10/18/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC14	7.0	5.3	Đạt
285	27218631380	Hoàng Khang	Ninh	10/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN8	9.0	7.3	Đạt
286	29204454922	Mai Phan Mỹ	Nương	9/21/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC13	9.7	7.3	Đạt
287	28204633832	Huỳnh Thị Từ	Ny	2/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT9	10.0	7.5	Đạt
288	28208128069	Trần Ngọc Sê	Ny	2/17/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT15	9.3	6.3	Đạt
289	28206232186	Trương Thảo	Ny	6/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC9	8.7	6.0	Đạt
290	28206552831	Đặng Ngọc Tâm	Oanh	7/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC9	5.7	9.0	Đạt
291	28208027341	Hà Kiều	Oanh	12/7/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC14	4.7	3.0	Không Đạt
292	28204640389	Hoàng Thị Kiều	Oanh	2/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT15	8.7	5.0	Đạt
293	28204302236	Hoàng Thị Ngọc	Oanh	2/20/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TYC14	5.0	5.5	Đạt
294	28204648532	Lê Thị Hoàng	Oanh	9/21/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN14	5.3	5.0	Đạt
295	27207200810	Trương Thị Kiều	Oanh	5/29/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT15	4.7	5.0	Không Đạt
296	29206755810	Võ Hồng	Oanh	1/22/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC14	10.0	7.3	Đạt
297	28208101682	Dương Thị Hồng	Phấn	3/10/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN13	7.3	6.8	Đạt
298	28214505651	Nguyễn Duy Thắng	Phát	8/30/2003	Buôn Ma Thuột	Nam	Kinh	31CSC9	8.0	8.6	Đạt
299	28212705409	Nguyễn Văn	Phú	2/13/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC13	9.3	5.5	Đạt
300	28217351707	Lưu Nguyễn Hồng	Phúc	7/5/2004	Tây Ninh	Nữ	Kinh	31TYC14	7.7	7.3	Đạt
301	28214550888	Mai Diễm	Phúc	7/5/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC9	9.0	6.3	Đạt
302	29206558578	Mai Thị Thanh	Phúc	6/24/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SSC7	7.3	6.0	Đạt
303	28212300621	Nguyễn Thành	Phúc	11/18/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC9	9.7	6.0	Đạt
304	27211342202	Nguyễn Trung	Phúc	9/26/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SSC6	V	-	Vắng thi
305	27211341893	Nguyễn Vĩnh	Phúc	4/15/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SSC7	6.3	6.0	Đạt
306	29204663339	Đỗ Thị Kim	Phụng	3/14/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC13	8.7	5.5	Đạt
307	28214639985	Trần Hoàng	Phước	10/6/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT15	9.7	8.3	Đạt
308	27212144198	Trần Tấn	Phước	4/26/2003	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31TYC13	V	V	Vắng thi
309	29206660699	Đặng Thị Diễm	Phương	1/1/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT8	7.3	5.3	Đạt
310	28204302891	Lê Trần Hà	Phương	8/12/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC7	9.0	5.8	Đạt

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
311	28206752579	Lương Huệ Phương	7/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC14	6.0	3.3	Không Đạt	
312	28206301922	Nguyễn Thị Thanh Phương	11/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT8	7.0	6.8	Đạt	
313	27202702638	Thái Thị Minh Phương	4/17/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT9	7.7	7.5	Đạt	
314	28202835280	Trần Thị Thanh Phương	3/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC13	8.0	2.3	Không Đạt	
315	29206241205	Hoàng Thị Phượng	2/11/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN14	8.0	5.8	Đạt	
316	28218130469	Đình Gia Quân	11/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT11	6.7	5.8	Đạt	
317	0792996783	Nguyễn Huy Quân	6/3/2007	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CYC9	3.7	0.5	Không Đạt	
318	28215149166	Trần Hoàng Quân	1/20/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31SYC7	6.0	5.8	Đạt	
319	28218102528	Đoàn Nhật Quang	11/2/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC13	4.3	4.0	Không Đạt	
320	28218142468	Phạm Tấn Quang	1/2/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC14	5.7	5.5	Đạt	
321	28218125464	Đào Sỹ Quốc	6/21/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SBN8	9.7	5.3	Đạt	
322	28212336519	Nguyễn Công Quý	9/7/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC12	9.3	6.5	Đạt	
323	27203143963	Hoàng Thị Ngọc Quyên	1/5/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT14	7.3	7.0	Đạt	
324	28209437326	Hứa Thị Lệ Quyên	4/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN8	4.7	5.3	Không Đạt	
325	28206750962	Lê Thị Lệ Quyên	12/28/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC12	9.7	6.5	Đạt	
326	28206205755	Nguyễn Ngọc Cẩm Quyên	9/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN8	9.7	6.6	Đạt	
327	29208046194	Tiêu Thị Lệ Quyên	11/11/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC13	8.7	4.0	Không Đạt	
328	28209349962	Trần Hiếu Quyên	5/22/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN8	2.7	4.3	Không Đạt	
329	25203113827	Trần Hoàng Quyên	3/26/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC9	V	V	Vắng thi	
330	28208002645	Võ Thị Lệ Quyên	8/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	4.0	1.8	Không Đạt	
331	28206744957	Huỳnh Thị Ngọc Quyên	12/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC7	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
332	28214324844	Nguyễn Trần Quyết	1/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT15	8.7	9.3	Đạt	
333	28204104002	Đỗ Như Quỳnh	4/21/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT14	9.3	7.3	Đạt	
334	28204154596	Lê Thị Như Quỳnh	8/7/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC7	8.7	8.0	Đạt	
335	28204603810	Lê Ngọc Thiên Quỳnh	3/10/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CHT9	V	V	Vắng thi	
336	28204634901	Nguyễn Diễm Quỳnh	12/9/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN9	6.3	5.0	Đạt	
337	28208004086	Phạm Như Quỳnh	10/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN14	10.0	7.8	Đạt	
338	28204402809	Ngô Nguyễn Xa Ri	10/9/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC9	8.0	5.8	Đạt	
339	28208152252	Trương Thị Thúy Sa	3/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC7	9.0	6.0	Đạt	
340	28214903826	Hà Phước Sơn	4/19/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SHT4	5.0	6.4	Đạt	
341	28212701404	Nguyễn Công Tài	6/4/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SBN8	9.0	6.3	Đạt	
342	28215106406	Nguyễn Song Tài	3/13/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC12	9.0	6.5	Đạt	
343	28204553548	Đỗ Thị Thanh Tâm	9/14/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC9	8.0	6.5	Đạt	
344	28218003714	Hoàng Minh Tâm	1/16/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CSC9	V	V	Vắng thi	
345	28219336319	Nguyễn Đức Tâm	4/14/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31TSC14	3.0	5.5	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
346	28206502419	Nguyễn Phan Thanh Tâm	7/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN14	9.3	6.0	Đạt	
347	28206548971	Văn Thị Thanh Tâm	11/2/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC7	7.7	7.0	Đạt	
348	28214348318	Đỗ Trọng Tấn	7/10/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SHT8	8.0	7.5	Đạt	
349	28204604974	Hồ Thị Hồng Thắm	4/23/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CHT9	7.7	9.5	Đạt	
350	28205005777	Trương Thị Thắm	1/2/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SHT8	10.0	8.0	Đạt	
351	28218450530	Nguyễn Tiến Thân	8/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC13	5.3	7.5	Đạt	
352	40097014016	Phạm Quốc Thắng	1/19/1997	Nghệ An	Nam	Kinh	31SBN8	V	V	Vắng thi	
353	28214335505	Nguyễn Hữu Thắng	4/22/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TSC14	5.3	5.0	Đạt	
354	28214731173	Văn Đức Thắng	1/24/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CBN9	9.3	9.5	Đạt	
355	28206252334	Nguyễn Thị Thanh Thanh	6/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT15	8.7	6.3	Đạt	
356	28204549784	Trương Thị Thu Thanh	6/16/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC13	8.7	7.8	Đạt	
357	29206221916	Võ Thiên Thanh	9/28/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC14	8.7	8.0	Đạt	
358	28211149087	Đoàn Sỹ Thành	12/21/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CYC9	10.0	6.3	Đạt	
359	28212700695	Nguyễn Lê Tiến Thành	10/12/2004	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31CSC9	6.7	5.0	Đạt	
360	28208152323	Trần Thị Thu Thao	9/13/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SHT6	7.3	5.3	Đạt	
361	28202806716	Đoàn Thị Thanh Thảo	4/10/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC13	8.7	7.8	Đạt	
362	28206554765	Lê Thị Kim Thảo	2/3/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC7	5.7	7.1	Đạt	
363	28214831174	Nguyễn Thảo	8/24/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT14	8.7	6.3	Đạt	
364	28206748405	Nguyễn Hà Thanh Thảo	7/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT14	9.7	7.3	Đạt	
365	28208251543	Nguyễn Thị Thảo	9/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN15	7.0	8.8	Đạt	
366	28206252562	Nguyễn Thị Phương Thảo	6/4/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SHT5	9.0	8.3	Đạt	
367	28206841890	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC12	8.0	6.3	Đạt	
368	28204653171	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7/7/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC7	5.7	5.3	Đạt	
369	30206254408	Võ Nguyễn Thu Thảo	8/19/2006	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC9	9.7	7.3	Đạt	
370	28210205744	Phan Nhật Thi	3/13/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN14	9.3	7.5	Đạt	
371	28214637699	Hà Nguyễn Hoàng Thiên	9/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN14	4.7	5.0	Không Đạt	
372	28214603938	Đỗ Hưng Thịnh	6/2/2003	Nam Định	Nam	Kinh	31TBN15	8.7	6.6	Đạt	
373	28206626027	Trương Ngọc Diệu Thịnh	7/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT8	8.3	7.0	Đạt	
374	29204464934	Đỗ Thị Kim Thoa	1/31/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN14	9.7	6.5	Đạt	
375	28205205418	Võ Hoài Thu	10/22/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN9	9.7	5.0	Đạt	
376	28206621490	Bùi Thị Anh Thư	11/27/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC14	5.3	8.8	Đạt	
377	29206635908	Hoàng Vũ Anh Thư	10/23/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TSC13	8.3	6.5	Đạt	
378	28206600747	Nguyễn Thái Anh Thư	4/1/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31TYC14	8.3	9.3	Đạt	
379	29207456325	Nguyễn Thị Minh Thư	2/28/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT9	9.3	9.5	Đạt	
380	28204331423	Nguyễn Thị Minh Thư	11/7/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC14	9.0	5.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
381	28204903750	Nguyễn Thị Ngọc Thư	1/15/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN14	9.3	5.5	Đạt	
382	28202827695	Nguyễn Trịnh Anh Thư	10/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC13	8.3	5.3	Đạt	
383	28208152382	Nguyễn Vũ Anh Thư	8/20/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TSC14	8.3	5.5	Đạt	
384	28204550456	Nguyễn Thị Kim Thuận	10/23/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CSC9	8.0	6.8	Đạt	
385	28207103645	Nguyễn Phan Hiền Thục	11/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN13	5.3	3.5	Không Đạt	
386	28204354109	Đinh Thị Quỳnh Thương	11/28/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN14	8.3	8.0	Đạt	
387	28204301503	Đỗ Thị Thu Thương	3/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC12	9.0	6.4	Đạt	
388	29206524591	Đoàn Lê Thương	1/20/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC7	9.3	6.5	Đạt	
389	28204305947	Huỳnh Thị Như Thương	7/28/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SBN8	8.7	5.3	Đạt	
390	28208000084	Trần Thị Thu Thương	8/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC12	9.7	6.8	Đạt	
391	28208151912	Trương Hồng Minh Thương	7/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC14	9.0	6.3	Đạt	
392	28218126942	Hà Minh Thường	7/2/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TSC14	10.0	6.0	Đạt	
393	28208005561	Nguyễn Thị Mai Thúy	5/8/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN8	9.7	5.5	Đạt	
394	29207539092	Nguyễn Thị Thu Thúy	3/18/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT9	9.3	9.0	Đạt	
395	28206704222	Trần Lê Thanh Thúy	10/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN15	9.7	6.5	Đạt	
396	28206148792	Hàn Thị Thùy	10/22/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC13	6.3	4.0	Không Đạt	
397	29204440016	Nguyễn Thị Thanh Thùy	12/9/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN15	9.7	6.8	Đạt	
398	29204755537	Huỳnh Thị Thu Thủy	3/31/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC13	9.3	9.8	Đạt	
399	28204651290	Nguyễn Thị Kim Thuyền	6/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT15	5.3	3.8	Không Đạt	
400	28206104807	Hồ Thủy Tiên	8/2/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SSC7	8.3	6.3	Đạt	
401	28204601139	Huỳnh Thị Thủy Tiên	8/15/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC9	9.3	6.8	Đạt	
402	28206202189	Lê Khánh Tiên	3/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN15	9.3	6.0	Đạt	
403	28202701099	Lê Ngọc Diệu Tiên	2/4/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN14	9.0	8.3	Đạt	
404	28208229738	Ngô Thị Cẩm Tiên	3/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT15	8.7	5.0	Đạt	
405	28212348699	Trần Văn Tiến	1/5/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN15	V	V	Vắng thi	
406	28207151457	Lương Thị Thanh Tiên	5/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC11	5.3	4.1	Không Đạt	
407	28218151935	Phạm Quang Tiếp	11/13/2004	Hưng Yên	Nam	Kinh	31SSC6	8.3	7.3	Đạt	
408	28219449154	Nguyễn Khánh Toàn	8/8/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CBN9	7.3	7.8	Đạt	
409	28206254655	Đỗ Thu Trâm	7/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC14	9.3	9.0	Đạt	
410	28202743642	Dương Khánh Trâm	10/12/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC14	6.3	4.0	Không Đạt	
411	31204575101	Lê Bảo Ngọc Trâm	8/11/2007	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC13	8.7	5.0	Đạt	
412	29206732154	Lê Nguyễn Bảo Trâm	6/11/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC13	9.7	6.3	Đạt	
413	28206252625	Lê Trần Bảo Trâm	7/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC13	9.0	10.0	Đạt	
414	29204638298	Nguyễn Ngọc Mai Trâm	6/20/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT9	5.0	9.5	Đạt	
415	30206254422	Nguyễn Thị Trâm	7/10/2006	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC9	8.0	6.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
416	28206501925	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	10/25/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31TSC9	6.0	5.8	Đạt	
417	28206950773	Tán Ngọc Bảo Trâm	8/13/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC9	9.3	8.0	Đạt	
418	28204904540	Tôn Nữ Thị Thùy Trâm	6/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC8	5.0	7.5	Đạt	
419	28204903743	Đặng Trần Bảo Trân	1/2/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CHT9	8.7	5.3	Đạt	
420	28204749529	Lê Thị Huyền Trân	5/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT9	7.0	7.5	Đạt	
421	27204130907	Nguyễn Lê Bảo Trân	4/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN9	8.7	10.0	Đạt	
422	28206822952	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	5/12/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC14	7.0	4.0	Không Đạt	
423	28202800469	Bùi Thảo Trang	4/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC13	9.7	5.0	Đạt	
424	28202800874	Lê Mai Phương Trang	10/2/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC13	7.7	3.3	Không Đạt	
425	28204933869	Lê Thị Trang	3/3/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CYC8	5.7	2.4	Không Đạt	
426	28205053984	Lê Thị Thùy Trang	8/28/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN14	6.0	4.1	Không Đạt	
427	28201351998	Nguyễn Thị Thùy Trang	11/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT15	5.3	5.0	Đạt	
428	28204106409	Trần Thị Huyền Trang	11/20/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC14	8.3	8.3	Đạt	
429	28208006659	Võ Nữ Quỳnh Trang	12/9/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN14	9.3	4.0	Không Đạt	
430	28218300913	Dương Ngọc Trí	1/3/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN8	9.0	4.3	Không Đạt	
431	28208140048	Đặng Mai Trinh	3/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN15	7.0	7.8	Đạt	
432	29204354305	Lê Thị Hồng Trinh	2/10/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC9	8.0	7.0	Đạt	
433	28206734815	Mai Thị Phương Trinh	12/5/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN15	8.3	9.0	Đạt	
434	28204600253	Nguyễn Lê Băng Trinh	11/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC7	8.7	5.0	Đạt	
435	28204953876	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	5/19/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC9	10.0	7.8	Đạt	
436	28204301110	Nguyễn Trần Thùy Trinh	6/13/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC9	7.7	8.0	Đạt	
437	28208201553	Trần Huyền Trinh	10/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN15	9.3	8.0	Đạt	
438	28206203096	Trần Phương Lan Trinh	8/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN14	9.0	4.0	Không Đạt	
439	28218040790	Lê Chính Trọng	7/16/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SHT8	9.0	8.8	Đạt	
440	26212428474	Lê Thành Trung	2/24/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN14	5.0	3.3	Không Đạt	
441	28214134416	Trần Quang Trung	11/11/2004	Huế	Nam	Kinh	31SHT8	9.3	9.3	Đạt	
442	28210200145	Trương Quốc Trung	8/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC13	7.3	8.4	Đạt	
443	28214605188	Nguyễn Văn Trường	9/25/2004	Buôn Ma Thuột	Nam	Kinh	31THT14	6.7	5.8	Đạt	
444	28214503234	Võ Đình Trường	3/3/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC9	7.0	9.5	Đạt	
445	28206632264	Nguyễn Thị Truyền	10/30/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SHT8	6.0	7.3	Đạt	
446	29208155396	Lê Thị Cẩm Tú	3/20/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC13	9.0	6.3	Đạt	
447	28204906593	Lê Thị Thanh Tú	3/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT14	8.7	6.5	Đạt	
448	28213101882	Lê Trung Tú	9/30/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31THT15	9.3	5.3	Đạt	
449	27211200462	Nguyễn Thanh Tú	5/30/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC7	9.7	6.0	Đạt	
450	28208002374	Trần Thị Thùy Tú	5/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT9	8.3	3.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
451	28214600994	Lê Anh Tuấn	1/23/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31THT14	5.7	6.8	Đạt	
452	26215339353	Lê Anh Tuấn	5/24/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SYC7	10.0	5.3	Đạt	
453	28214628675	Lê Thiện Tuấn	6/14/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN15	4.7	5.3	Không Đạt	
454	28208401069	Lê Mạnh Tường	9/18/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31TSC13	8.0	5.1	Đạt	
455	28206204439	Đặng Thị Bích Tuyền	6/29/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN14	9.0	8.5	Đạt	
456	28205120669	Đỗ Thị Thanh Tuyền	2/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT14	8.7	5.8	Đạt	
457	28208106242	Lê Nguyễn Khánh Tuyền	2/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN14	9.0	7.0	Đạt	
458	28208154868	Nguyễn Thị Minh Tuyền	12/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC14	8.0	6.8	Đạt	
459	29204426013	Nguyễn Thị Minh Tuyền	2/22/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN15	8.7	7.3	Đạt	
460	28204637392	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	4/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC7	8.3	8.3	Đạt	
461	28218042877	Huỳnh Ngọc Tuyết	7/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	6.3	2.4	Không Đạt	
462	28204601215	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	5/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN8	9.3	7.3	Đạt	
463	28216846313	Lê Minh Uyên	4/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC14	4.0	1.5	Không Đạt	
464	28206451286	Lưu Hoài Phương Uyên	8/14/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC13	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
465	28204601720	Nguyễn Thu Uyên	9/14/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CYC9	9.0	9.5	Đạt	
466	28204639786	Trần Thảo Uyên	4/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN9	9.3	8.0	Đạt	
467	28205206766	Trần Thụy Phương Uyên	3/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN15	3.7	4.3	Không Đạt	
468	28204325742	Dương Thị Thúy Vân	10/22/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31THT14	6.0	7.3	Đạt	
469	28206200233	Nguyễn Phước Lê Hải Vân	8/25/2004	Cần Thơ	Nữ	Kinh	31TYC13	6.0	3.0	Không Đạt	
470	29204637464	Nguyễn Thị Hồng Vân	11/8/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC13	8.7	6.3	Đạt	
471	30206226921	Trần Thanh Vân	2/21/2006	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN8	7.7	8.0	Đạt	
472	28204149854	Trần Thảo Vân	5/21/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT15	6.0	8.3	Đạt	
473	28215104781	Huỳnh Trương Anh Văn	11/26/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31SYC7	7.0	7.8	Đạt	
474	28204501914	Bùi Lê Hà Vi	4/18/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT14	8.3	8.3	Đạt	
475	28209348212	Nguyễn Thị Thảo Vi	4/18/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN15	8.7	8.3	Đạt	
476	28208102498	Võ Hồ Diệu Vi	11/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC13	7.7	7.3	Đạt	
477	28204150733	Vương Thị Ngọc Viên	4/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC13	8.3	8.0	Đạt	
478	28214853951	Hồ Quốc Việt	8/21/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CBN9	7.3	6.3	Đạt	
479	27214342656	Trần Thái Vinh	10/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN15	7.7	5.8	Đạt	
480	28218033826	Võ Bá Hiến Vinh	1/7/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN15	6.3	6.0	Đạt	
481	29212363465	Võ Công Vinh	4/12/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC7	5.7	6.6	Đạt	
482	28212300003	Lê Trọng Long Vũ	8/12/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CYC9	9.0	8.8	Đạt	
483	28214500647	Mai Anh Vũ	11/15/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31THT15	9.0	7.1	Đạt	
484	28219405845	Phan Trung Nguyên Vũ	10/3/2004	Buôn Ma Thuột	Nam	Kinh	31CBN9	5.3	3.9	Không Đạt	
485	29215151499	Trương Hoàng Vũ	8/28/2005	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CHT9	V	V	Vắng thi	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
486	28204103519	Bùi Thuỵ Tường Vy	1/26/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TBN14	9.3	9.3	Đạt	
487	28204353588	Đào Nguyễn Hoàng Vy	4/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT15	9.0	6.5	Đạt	
488	28204753559	Hồ Nguyễn Thảo Vy	3/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT15	8.7	9.8	Đạt	
489	28208780330	Huỳnh Ngọc Trường Vy	8/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT14	7.7	6.5	Đạt	
490	28204603626	Lê Trần Khánh Vy	2/14/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CBN9	7.7	5.3	Đạt	
491	28204144482	Ngô Võ Yến Vy	11/21/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT15	9.0	8.8	Đạt	
492	29206737466	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	11/26/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC13	5.3	3.8	Không Đạt	
493	28204931697	Nguyễn Thảo Vy	6/23/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT9	9.7	6.0	Đạt	
494	30206263290	Nguyễn Thị Yến Vy	6/6/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SHT8	6.7	8.8	Đạt	
495	28203502912	Nguyễn Thiều Vy	2/4/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31THT14	9.7	6.8	Đạt	
496	27202730807	Phạm Thị Huyền Vy	3/7/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN9	9.3	7.3	Đạt	
497	28202838649	Phan Thùy Vy	1/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC13	9.3	5.8	Đạt	
498	28204604133	Thân Thảo Vy	7/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC13	9.0	6.5	Đạt	
499	28204651541	Tô Nguyễn Tường Vy	3/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC7	7.3	0.8	Không Đạt	
500	28208154245	Nguyễn Thị Ái Xuân	10/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN14	9.0	7.5	Đạt	
501	31207357728	Nguyễn Diệu Ý	10/23/2007	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC14	9.3	8.8	Đạt	
502	28204900866	Nguyễn Thị Như Ý	7/21/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31THT13	5.0	5.5	Đạt	
503	27213601862	Phạm Công Ý	6/27/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC7	9.0	6.3	Đạt	
504	28206203583	Phan Thị Như Ý	8/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC9	5.7	5.3	Đạt	
505	28202722773	Trương Thị Như Ý	11/3/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31TSC14	4.7	2.0	Không Đạt	
506	28207103988	Nguyễn Thị Hồng Yến	1/17/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC13	8.7	3.1	Không Đạt	
507	28204829397	Nguyễn Thị Thùy Yến	12/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC7	9.3	9.5	Đạt	
508	28204625044	Tăng Thị Hải Yến	10/7/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31SBN8	4.0	5.3	Không Đạt	
509	29204425783	Trần Thị Hoài Yến	7/26/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN15	9.7	7.3	Đạt	
510	28207101412	Trương Kim Yến	10/21/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC14	2.3	2.8	Không Đạt	